

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/10/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liệu.

2. Ông Lý Và Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Thạch Hoàng A**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 116, khu 4, ấp 6, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị **Vòng A L**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Anh A có mặt, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/2/2019, bản tự khai ngày 20/5/2019, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Thạch Hoàng A trình bày:

Anh và chị L tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 02/8/2013. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chung sống với gia đình tại ấp 6, xã P, huyện Đ. Tuy nhiên, chị L không muốn sống chung với gia đình chồng và không muốn làm việc công ty để ổn định công việc mà muốn làm việc tự do. Do mâu thuẫn trong quan điểm sống, trong công việc nên chị L thường xuyên cãi nhau với anh và cha

mẹ chồng. Mặc dù anh và gia đình có khuyên bảo nhưng chị L không nghe. Đến ngày 26/6/2014 thì chị L tự ý bỏ nhà đi và sống ly thân với anh cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì chị L về thăm con được 03 lần mặc dù chị L thường xuyên về nhà cha mẹ để ở ấp 2, xã P, huyện Đ. Chị L không phụ giúp anh nuôi dạy con cái cũng không phụ cấp nuôi con. Nay anh nhận thân vợ chồng không thể đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Thạch Hoàng Phong, sinh ngày 03/7/2013. Do cháu Phong sống với anh từ bé, hiện tại anh chăm lo cho cháu tốt về mọi mặt và anh có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung. Anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đối với bị đơn chị Vòng A L:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Vòng A L đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về khởi kiện của anh A.

Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hạn chuẩn bị xét xử, tư cách đương sự và cấp, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa anh A và chị L đã mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh A là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung là Thạch Hoàng Phong, sinh ngày 03/7/2013 hiện đang do anh A nuôi dưỡng và cháu Phong triển bình thường về vật chất và tinh thần, nên đề nghị Tòa án giao cho anh A nuôi dưỡng. Tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh A chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh A phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Vòng A L được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Vòng A L cư trú tại ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Thạch Hoàng A khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh Thạch Hoàng A là nguyên đơn, chị Vòng A L là bị đơn.

[5] Về luật áp dụng: Anh A và chị L đăng ký kết hôn năm 2013 nên áp dụng luật hôn nhân năm 2000 để giải quyết.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch Hoàng A và chị Vòng A L tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ ngày 02/8/2013 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh A: Anh A xin ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm sống, trong công việc nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 và hiện nay anh không còn tình cảm với chị L. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa anh An và chị L xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, giữa anh A và chị L đã chấm dứt đời sống chung của vợ chồng. Xét thấy, Điều 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định “Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”. Tuy nhiên, kể từ năm 2014 đến nay, anh A và chị L không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh A và chị L thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ (bút lục 30, 31, 32, 33). Tòa án đã nhiều lần mời chị L để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đến, điều đó cho thấy chị L không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh A xác định không còn tình cảm với chị L. Vì vậy, anh A xin ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Anh A và chị L có một con chung là Thạch Hoàng Phong, sinh ngày 03/7/2013, hiện đang do anh An nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Phong sống với anh A từ nhỏ, được anh A chăm sóc tốt, cháu Phong phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học. Anh A có công việc và thu nhập ổn định. Để tránh xáo trộn đời sống của cháu Phong và để đảm bảo quyền lợi về

mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Phong cho anh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh A chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, chị L có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh A chị L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Thạch Hoàng A phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thạch Hoàng A. Anh Thạch Hoàng A được ly hôn với chị Vòng A L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Thạch Hoàng Phong, sinh ngày 03/7/2013 cho anh Thạch Hoàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Vòng A L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Thạch Hoàng A không yêu cầu. Chị Vòng A L có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh An, chị L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Thạch Hoàng A phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh An đã nộp theo biên lai số 0002221 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Anh An đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Thạch Hoàng A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vòng A L được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

